

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư,
không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng
giai đoạn 2025 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 25/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng chính phủ ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 19/10/2017 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về phát triển công nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 868-TB/TU ngày 20/5/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 19/10/2017 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển công nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Văn bản số 5908/SCT-QLCN ngày 31/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2030 theo các nội dung tại các Phụ lục gửi kèm theo.

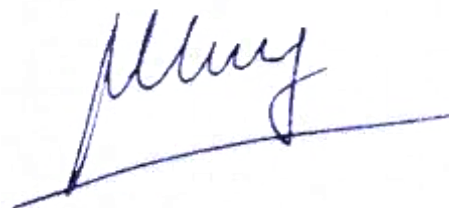
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Danh mục dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, và không khuyến khích đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương; Tài Chính; Khoa học và Công nghệ; Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng ban Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân cấp xã và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND TP Hoàng Minh Cường;
- Sở Công Thương;
- PCVP UBND TP Phạm Huy Hoàng
- Các phòng: XD&CT, TC, NV&KTGS;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC I
DANH MỤC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên dự án
I	CƠ KHÍ - LUYỆN KIM
1	Sản xuất máy móc, thiết bị (công nghiệp hỗ trợ) phục vụ cho ngành đóng tàu.
2	Sản xuất máy công cụ gia công kim loại.
3	Sản xuất thiết bị lọc nước và xử lý nước thải.
4	Sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, đo lường.
5	Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.
6	Nhà máy cơ khí nặng sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết phi tiêu chuẩn trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng, công nghiệp môi trường, xây dựng.
7	Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết (công nghiệp hỗ trợ) phục vụ ngành công nghiệp ô tô, xe máy.
8	Chế tạo máy điều khiển bằng số: máy tiện, khoan, nghiền, xay, mài, uốn, gấp, cán, xén, đục lỗ, hàn, hàn cầu vồng, hàn cầu vồng plasma kim loại.
9	Sản xuất vỏ container.
10	Sản xuất các thiết bị, giải pháp gia công phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing - NTM) dùng siêu âm, tia lửa điện, hóa và điện hóa, plasma, tia nước áp suất cao, laser.
11	Sản xuất thép chế tạo, thép dụng cụ, hợp kim đặc biệt có độ bền cao dùng trong công nghiệp và xây dựng
12	Sản xuất kết cấu thép.
13	Chế tạo dầm thép, khung kết cấu dầm cầu.
14	Sản xuất máy móc, thiết bị, chi tiết máy, khuôn mẫu, đồ gá, dụng cụ - dao cắt cho ngành dệt, may, da giày; phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến thực phẩm, thủy hải sản.
15	Sản xuất thang máy; Thiết bị, hệ thống ray dẫn động cho thang máy không cáp kéo và thang máy không cáp kéo dùng trong xây dựng
16	Sản xuất trang thiết bị, dụng cụ thể thao; thiết bị và dụng cụ dạy học; thiết bị y tế.

17	Sản xuất và lắp ráp máy móc thiết bị kỹ thuật điện: máy phát điện, tổ hợp thiết bị năng lượng, máy biến áp, động cơ điện.
18	Hệ thống, máy công cụ, thiết bị điều khiển số (CNC) độ chính xác cao thế hệ mới.
19	Sản xuất Động cơ AC servo chuyên dụng, hệ truyền động servo nhiều trục, hộp giảm tốc có độ chính xác cao cho robot và máy CNC
20	Khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds) có tính năng kỹ thuật, độ chính xác và chất lượng cao
21	Sản xuất Máy canh tác, chăm sóc, thu hoạch và sau thu hoạch thế hệ mới;
22	Sản xuất Hệ thống thiết bị chế biến và bảo quản thực phẩm có quy mô công nghiệp
23	Sản xuất Thép tấm, thép hình khổ lớn, thép ống không hàn chất lượng cao
24	Sản xuất Nhôm kim loại sản xuất bằng công nghệ điện phân với dòng điện 500 kA.
25	Dự án sản xuất các loại động cơ Diesel từ 50HP trở lên; Động cơ Diesel tàu thủy cùng hệ thống hộp số hệ trục và chân vịt công suất từ 300HP trở lên
26	Dự án sản xuất các loại động cơ ô tô đạt tiêu chuẩn tối thiểu EURO 4
27	Dự án sản xuất, lắp ráp xe ô tô, xe máy; ô tô nông dụng nhỏ đa chức năng, xe ô tô chuyên dùng chở bê tông, xi téc (trừ các Dự án sản xuất, lắp ráp xe máy sử dụng nguyên liệu hóa thạch).
28	Dự án sản xuất, lắp ráp xe tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện môi trường (xe khách, xe buýt chạy bằng khí thiên nhiên hoặc sản xuất công nghệ Hybrid hoặc chạy điện)
29	Dự án sản xuất Cổng trục 30 tấn trở lên, cầu chân đế từ 30 tấn trở lên, cần trục từ 10 tấn trở lên, cầu bánh xích từ 50 tấn trở lên, cầu bánh lốp chân cứng từ 50 tấn trở lên, cầu trên tàu biển từ 20 tấn trở lên, cầu tháp từ 05 tấn trở lên.
30	Dự án sản xuất cầu khung bánh lốp RTGC (Rubber Tyred Gantry Crane) có sức nâng từ 30 tấn trở lên; cầu bờ chạy ray RMQC (Rail Mounted Quayside Crane) có sức nâng từ 30 tấn trở lên. Cầu khung chạy ray RMGC (Rail Mounted Gantry Crane) có sức nâng từ 30 tấn trở lên
31	Dự án sản xuất dây chuyền thiết bị hoàn chỉnh xử lý tro, xỉ thạch cao từ sản xuất công nghiệp.
32	Dự án sản xuất sản phẩm kim loại và composite cao cấp dùng trong ngành hàng không.
33	Dự án sản xuất hệ thống phát điện dùng năng lượng gió, mặt trời, thủy triều, sóng biển, địa nhiệt
34	Sản xuất linh kiện và phụ tùng máy, thiết bị sản xuất, lắp ráp phương tiện đường sắt; Phụ tùng vật tư đường sắt: Ray, ghi, phụ kiện liên kết, hệ thống cung cấp điện sức kéo.
II	HOÁ CHẤT – CAO SU NHỰA
35	Sản xuất ống và phụ kiện HDPE và PP.R phục vụ cho các ngành: cấp, thoát nước, xây dựng.

36	Sản xuất thuốc chữa bệnh đạt tiêu chuẩn GMP.
37	Sản xuất thuốc từ thảo dược và nguyên liệu cho ngành dược phẩm.
38	Sản xuất pin nhiên liệu hydro, pin năng lượng mặt trời, pin nhiên liệu methanol, pin sinh học.
39	Sản xuất nhiên liệu sinh học thay thế nhiên liệu tự nhiên: Etanol, xăng dầu từ xenlulosa, Hydro sử dụng Hydrogenase, dầu diesel từ dầu thực vật.
40	Sản xuất kem đánh răng, xà phòng, sữa tắm, dầu gội đầu, hoá mỹ phẩm.
41	Sản xuất bao bì nhựa sinh học tự huỷ.
42	Sản xuất xăm, lốp ô tô các loại
43	Sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật (chi tiết, phụ tùng nhựa cho ô tô, xe máy, đồ điện tử, viễn thông).
44	Sản xuất các sản phẩm hoá dầu.
45	Xây dựng vận hành đường ống dẫn dầu, dẫn khí, kho chứa LPG, LNG, CNG
46	Sản xuất Vật liệu polyme tái chế (Upcycling polymers).
47	Sản xuất Sơn chuyên dụng cao cấp, thân thiện với môi trường, phục vụ cho ngành chế tạo cơ khí, ô tô, điện, điện tử.
48	Sản xuất Sợi tính năng cao, sợi thủy tinh đặc biệt, sợi các bon.
49	Vật liệu tàng hình, Vật liệu tự phục hồi (Self healing materials).
III	ĐIỆN TỬ, ĐIỆN LẠNH, VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ CAO
50	Chế tạo hệ thống vi cơ điện tử (MENS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS) và thiết bị sử dụng MENS, NEMS.
51	Sản xuất các thiết bị mạng tích hợp, các bộ nhớ dung lượng cao.
52	Sản xuất thiết bị, phần mềm, phân tích nhận dạng, dự báo, điều khiển dựa trên Trí tuệ nhân tạo (AI).
53	Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ cho chính quyền điện tử, doanh nghiệp điện tử, thương mại điện tử, đào tạo điện tử, quảng cáo điện tử
54	Phần mềm, thiết bị, giải pháp, dịch vụ ảo hóa và điện toán đám mây;
55	Mô-đun, thiết bị, phần mềm, giải pháp tích hợp IoT
56	Thiết bị đầu cuối di động thông minh thế hệ mới.
57	Thiết bị kỹ thuật số xử lý và truyền dữ liệu tự động
58	Thiết bị đảm bảo an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin;
59	Hệ điều hành cho máy tính, các thiết bị di động; hệ quản trị cơ sở dữ liệu; phần mềm nền tảng cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.

60	Phần mềm điều khiển thiết bị đầu cuối mạng thế hệ sau. Soft phone và codecs hỗ trợ đa dịch vụ trên nền mạng thế hệ sau;
61	Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu bằng laser; Thiết bị chuyển mạch quang tự động;
62	Sản xuất mô đun, thiết bị, phần mềm mạng thế hệ sau (NGN,4G,5G).
63	Chế tạo thẻ thông minh và đầu đọc thẻ thông minh; Chế tạo thẻ RFID, thiết bị đọc thẻ RFID.
64	Sản xuất các thiết bị thu, phát và chuyển đổi tín hiệu sử dụng trong truyền hình số thế hệ thứ 2 và các thế hệ sau
65	Sản xuất điện thoại di động.
66	Sản xuất cáp quang, cáp viễn thông.
67	Chế tạo robot.
68	Sản xuất màn hình độ phân giải cao LCD, LED, OLED.
69	Sản xuất máy tính và các thiết bị ngoại vi.
70	Sản xuất ổ đĩa cứng, đĩa laser.
71	Chế tạo các đầu cảm biến, các thiết bị đo điện tử.
72	Chế tạo các thiết bị đo chính xác kỹ thuật số.
73	Sản xuất tủ lạnh, máy lạnh, điều hoà.
74	Sản xuất nồi cơm điện, bình nóng lạnh, máy giặt.
75	Sản xuất máy ảnh kỹ thuật số, máy quay phim, thiết bị ghi âm, ghi hình.
76	Sản xuất phụ tùng và thiết bị điện tử hàng hải.
77	Chế tạo thiết bị chẩn đoán điện tử cho y tế, phẫu thuật và thiết bị X-quang.
78	Chế tạo thiết bị, dụng cụ đo, kiểm: la bàn, thiết bị lái; đo, kiểm cho chất lỏng, khí; đo kiểm áp.
79	Sản xuất ống nhôm, thiết bị trong thiên văn học, các ống viễn vọng quang học.
80	Sản xuất các dụng cụ tinh thể lỏng, các thiết bị laser và quang học khác.
81	Sản xuất các động cơ khoan nha khoa.
82	Sản xuất các thiết bị, dụng cụ phân tích lý, hoá: phân tích ga, khói, quang phổ, phóng xạ quang học, đo ánh sáng.
83	Sản xuất thiết bị, dụng cụ cân nhạy, kiểm tra độ cứng, đo mật độ.
84	Sản xuất các thiết bị điều nhiệt, điều áp.
85	Sản xuất các thiết bị, dụng cụ phân tích điện, sóng, quang phổ.
86	Sản xuất các thiết bị, dụng cụ cho chụp ảnh, quay phim, sợi quang học, kính áp tròng, mắt giả, máy trợ thính, máy điều hoà nhịp tim.

87	Nghiên cứu, sản xuất các phần mềm ứng dụng.
88	Sản xuất máy photocopy, máy in, máy scan.
89	Sản xuất các thiết bị điều khiển, bộ biến đổi điện tử công suất dùng cho ngành điện, ngành cơ khí chế tạo.
90	Các dự án Công nghệ thiết kế và sản xuất nhờ máy tính (CAD/CAM/CAE), công nghệ sản xuất linh hoạt (FMS), công nghệ sản xuất tích hợp (CIM) để sản xuất sản phẩm có độ phức tạp cao
91	Sản xuất linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điôt, ăngten, thyristor.
92	Sản xuất Vật liệu để sản xuất linh kiện điện tử: Chất bán dẫn; vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm; chất cách điện tích cực; kim loại; gốm, sứ kỹ thuật cho công nghiệp điện, điện tử.
93	Sản xuất pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động; đèn led; tai nghe điện thoại và loa; Sạc pin điện thoại.
94	Sản xuất vật liệu siêu bền, siêu nhẹ, thân thiện với môi trường hoặc sử dụng trong môi trường khắc nghiệt
95	Sản xuất vật liệu polyme tổng hợp và composite nền cao phân tử chất lượng cao, bền với khí hậu nhiệt đới.
96	Sản xuất polyme sinh học có khả năng tự phân hủy.
97	Sản xuất cao su kỹ thuật cao cấp chuyên dụng cho chế tạo máy, điện, điện tử, an ninh quốc phòng
98	Sản xuất gốm sứ kỹ thuật cao cấp cho công nghiệp điện, điện tử, chế tạo máy.
99	Sản xuất vật liệu chế tạo sensor dùng trong nhà kính.
100	Sản xuất KIT sinh học, điện cực sinh học chẩn đoán trị liệu cây trồng, vật nuôi.
101	Chế tạo vật liệu cho y, dược: Vacxin thể hệ mới cho con người, KIT chuẩn đoán trong y tế, vật liệu nano sinh học.
102	Nano composit, nano kim loại, nano oxit kim loại, nanowire, nanorod, nano sinh học.
103	Chế tạo ống than nano (carbon nano tube).
104	Chế tạo vật liệu điện hoá dùng trong các thiết bị điện tử viễn thông, điện thoại, máy tính xách tay, ô tô, xe máy, xe đạp điện.
105	Chế tạo pin nhiên liệu hydro, pin năng lượng mặt trời, pin nhiên liệu methanol, pin sinh học.
106	Chế tạo vật liệu dùng trong y học để thay thế một số bộ phận của cơ thể người.
107	Chế tạo vật liệu cao phân tử dùng trong dược học.
108	Chế tạo vật liệu cao phân tử dùng trong mỹ phẩm.
109	Sản xuất chỉ khâu kỹ thuật và màng mỏng sinh học dùng trong y tế.

110	Chế tạo vật liệu composite nền cao phân tử phục vụ cho giao thông vận tải: sản xuất canô, tàu xuồng cỡ nhỏ, vỏ một số bộ phận ô tô.
111	Chế tạo vật liệu composite dùng vật liệu tự nhiên như đay, lanh.
112	Chế tạo polymer dẫn điện.
113	Chế tạo các vật liệu composit dạng dẻo, dạng bimetal.
114	Vật liệu composite cao phân tử sử dụng cho kỹ thuật điện và điện tử trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.
115	Composit nền kim loại sử dụng trong kỹ thuật điện, điện tử và y – sinh.
116	Chế tạo vật liệu ứng dụng trong công nghiệp điện tử: nam châm, các vật liệu vô định hình và vi tinh thể, vật liệu từ nano.
117	Chế tạo vật liệu và linh kiện cảm biến: bán dẫn, siêu dẫn, các chất dẫn điện mới, gốm áp điện.
118	Chế tạo vật liệu và linh kiện quang - điện tử phục vụ cho lĩnh vực viễn thông, tự động hoá.
119	Sản xuất giấy dẫn điện.
120	Sản xuất mực dẫn điện.
IV	SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ CHO CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
121	Sản xuất các loại khuôn mẫu có độ chính xác cao.
122	Sản xuất các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp
123	Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, diốt, ăng ten, thyristor, cuộn cảm, bảng mạch in; Vi mạch điện tử; mô-đun camera; mô-tơ.
124	Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo; Pin, bộ pin Lithium hiệu năng cao, dung lượng lớn, tuổi thọ lớn; tấm quang điện (PV) hiệu suất cao.
125	Sản xuất các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa
126	Sản xuất cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường; cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất...
127	Sản xuất các loại động cơ thể hệ mới: Động cơ điện, động cơ ồ từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính
128	Sản xuất các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao

V	THIẾT BỊ ĐIỆN
129	Sản xuất quạt điện cao cấp phục vụ cho dân dụng và công nghiệp.
130	Sản xuất các loại ổ cắm, phích cắm, công tắc, atomat, ổn áp, lưu điện, máy hút bụi.
131	Sản xuất các loại đèn cao áp, đèn tiết kiệm năng lượng, bóng điện Halogen, đèn trang trí.
132	Sản xuất các loại máy phát điện khai thác nguồn năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, địa nhiệt, khí sinh học...).
133	Sản xuất máy biến thế điện truyền tải.
134	Sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.
135	Sản xuất dây và cáp điện.
136	Sản xuất Tấm quang điện (PV) hiệu suất cao và thân thiện môi trường.
137	Sản xuất động cơ điện cỡ nhỏ có tính năng và chất lượng cao
138	Sản xuất hệ thống phát điện dùng năng lượng gió, mặt trời, thủy triều, sóng biển, địa nhiệt
VI	VẬT LIỆU XÂY DỰNG
139	Sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn.
140	Sản xuất vật liệu chống cháy, cách âm, cách điện, cách nhiệt, tiết kiệm năng lượng.
141	Sản xuất các vật liệu xây dựng không nung.
142	Sản xuất các loại ngói tráng men, ngói trang trí.
143	Sản xuất tấm lợp composite, tấm lợp polycarbonate, tấm lợp polycarbonate - hợp kim nhôm, tấm lợp acrylic có phủ các hạt đá tự nhiên.
144	Sản xuất các loại đá ốp lát nhân tạo chất lượng cao như Terastone và Brettstone.
145	Sản xuất các vật liệu ốp lát nội thất có khả năng ngăn ngừa sự ngưng tụ hơi nước, ngăn ngừa sự bám bẩn, có khả năng hút mùi hôi.
146	Sản xuất các vật liệu ốp lát ngoại thất có bề mặt là những loại hợp chất có khả năng chống thấm cao, chống bám dính, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc.
147	Sản xuất các sản phẩm thạch cao dùng trong xây dựng từ nguồn thải của Nhà máy nhiệt điện, Nhà máy hóa chất, Nhà máy phân bón
148	Sản xuất cát nghiền, chế biến cát biển, cát vùng nước mặn, cát nước lợ, cát mịn thành cát đủ tiêu chuẩn sử dụng cho bê tông và vữa.
149	Sản xuất vật liệu lợp thông minh, tiết kiệm năng lượng; vật liệu lợp sử dụng các loại sợi an toàn với sức khỏe con người, thân thiện môi trường, bền trong môi trường biển đảo
VII	CÔNG NGHIỆP NHẸ
150	May mặc xuất khẩu (có sử dụng nguyên vật liệu trong nước).

151	Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành may mặc (công nghiệp hỗ trợ): Xơ sợi polyester, chỉ, cúc, khoá.
152	Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành sản xuất giày (công nghiệp hỗ trợ): đế, vải giả da (PVC, PU).
153	Sản xuất trang phục, giày dép có thương hiệu nổi tiếng.
154	Chế biến nông sản.
155	Chế biến thủy hải sản.
156	Sản xuất, trích ly dầu đậu nành, tinh luyện dầu thực vật.
157	Chế biến thịt xuất khẩu.
158	Sản xuất các sản phẩm sôcôla và ca cao cao cấp.
159	Chế phẩm giàu dinh dưỡng phục vụ sức khỏe cho người và vật nuôi.
160	Sản xuất Protein, Axit amin, axit hữu cơ.
VIII	CÔNG NGHIỆP TÁI CHẾ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN, NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI
161	Chế tạo dây chuyền xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học.
162	Chế tạo thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải tiên tiến khác.
163	Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh trên địa bàn thành phố.
164	Đầu tư đốt rác phát điện
IX	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP
165	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP KHÔNG KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025
của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên dự án	Các tiêu chí khi xem xét
1	Sản xuất kim loại (trừ chỉ có một hoặc nhiều công đoạn: cán; kéo; đúc từ phôi nguyên liệu)	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn.
2	Phá dỡ tàu cũ	- Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam.
3	Khai thác, chế biến, làm giàu khoáng sản	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam. - Chứng minh nguồn nguyên liệu
4	Sản xuất, tồn trữ các loại hóa chất	- Dự án nằm trong quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất quốc gia, quy hoạch công nghiệp hóa chất thành phố, quy hoạch khu, cụm công nghiệp hóa chất được phê duyệt. Vị trí dự án đáp ứng quy chuẩn về khoảng cách an toàn hóa chất theo Quy chuẩn hiện hành. - Chứng minh được nguồn nguyên liệu và phương án quản lý kiểm soát hóa chất. - Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; - Hệ thống thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng các điều kiện về phòng chống cháy nổ, môi trường và an toàn hóa chất theo quy định hiện hành. - Hệ thống dây chuyền máy móc, bồn chứa mới 100%, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam. - Chỉ được hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc các khu xử lý chất thải rắn tập trung theo quy hoạch.

TT	Tên dự án	Các tiêu chí khi xem xét
5	Tái chế, xử lý chất thải	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn.
6	Sản xuất pin, ắc quy	- Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Chỉ được hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc các khu xử lý chất thải rắn tập trung theo quy hoạch .
7	Sản xuất xi măng	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Chứng minh nguồn nguyên liệu
8	Chế biến tinh bột sắn, mía đường.	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn.
9	Sản xuất phân bón hóa học (trừ chỉ có một hoặc nhiều công đoạn: nghiền; phối trộn, ép viên, sang chiết, đóng gói)	- Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam
10	Sản xuất thuốc lá, bia, rượu, đồ uống có cồn	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Không thu hút các dự án sản xuất: bia với công suất dưới 50 triệu lít/năm, rượu với công suất dưới 5 triệu lít/năm (Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

TT	Tên dự án	Các tiêu chí khi xem xét
11	Sản xuất bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Nguyên liệu đầu vào là nhựa nguyên sinh - Chỉ được hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật
12	Sản xuất sản phẩm có công đoạn xi mạ hoặc làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất.	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Chỉ được hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật
13	Dự án chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm (từ 100 tấn sản phẩm/năm trở lên hoặc từ 50 gia súc/ngày trở lên hoặc 500 gia cầm/ngày trở lên)	Sử dụng hệ thống công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn.
14	Sản xuất nền thom	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam
15	Chế biến mủ cao su	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất

TT	Tên dự án	Các tiêu chí khi xem xét
		không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Chứng minh nguồn nguyên liệu
16	Chế biến thức ăn gia súc, gia cầm	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam
17	Sản xuất vôi công nghiệp	
18	Sản xuất gạch đất sét nung	
19	Sản xuất tấm lợp có sử dụng amiăng amfibole (amiăng nâu và xanh)	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam
20	Thuộc da, nhuộm, nấu sợi, giặt mài	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Sử dụng nước công nghiệp < 750 m ³ /ngày đêm - Chỉ được hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật
21	Sản xuất bột giấy, sản xuất giấy từ nguyên liệu tái chế hoặc từ sinh khối	
22	Sản xuất bột ngọt (mì chính)	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam
23	Sản xuất than cốc	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Chứng minh nguồn nguyên liệu

TT	Tên dự án	Các tiêu chí khi xem xét
24	Sản xuất đất đèn	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam
25	Các dự án tuyển, làm giàu, chế biến đất hiếm, khoáng sản có tính phóng xạ mà chất phóng xạ không thuộc đối tượng miễn trừ khai báo, cấp giấy phép an toàn bức xạ	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Chứng minh nguồn nguyên liệu
26	Dự án nhiệt điện than	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam - Chứng minh nguồn nguyên liệu
27	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	- Sử dụng công nghệ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nguyên liệu so với công nghệ cùng loại hiện có ở Việt Nam; Có hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn. - Sử dụng hệ thống thiết bị đồng bộ, mới 100%, có xuất xứ G7 hoặc tương đương, năm sản xuất không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm về đến cảng Việt Nam
28	Sản xuất thủy tinh	
29	Dự án lọc, hóa dầu	
30	Sản xuất khí đốt từ than đá	
31	Dự án sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp)	